**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **CHỦ ĐỀ/ ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | **Tổng**  **điểm**  **%** |
| **SỐ TT** | **TÊN CHƯƠNG** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
|  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?** | **Lịch sử là gì?** | **1TN\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thời gian trong lịch sử** | **1TN\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **THỜI KÌ NGUYÊN THỦY** | **Nguồn gốc loài người** | **1TN\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  | **Xã hội nguyên thủy** | **1TN\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp** |  | **1TL**  **(a)** |  | **1TL**  **(c)** |  | **1TL**  **(b)** |  |  |  |
|  | | **Tổng số câu TN/TL** | **4TN\*/1TL (a)** |  |  | **½ TL**  **(c)** |  | **½**  **TL**  **(b)** |  |  |  |
| **Tổng số điểm/**  **Tỉ lệ** | **1.5đ/**  **15%** |  |  | **1đ/ 10%** |  | **0.5đ/**  **5%** |  |  | **3đ/**  **30%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Chương 1-Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | **-Hệ thống kinh ,vĩ tuyến.**  **-Kí hiệu bản đồ.**  **- Tìm đường đi trên bản đồ.** | **2TN\*** |  | **3TN\*** |  | **1TN\*** |  |  |  | |  |
| 2 | **Chương 2- Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời** | **. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời**  **-.Hình dạng và kích thước Trái Đất** | **2TN\*** |  |  | **1TL** | **1TN\*** |  |  |  | |  |
| 3 | **Chương 3-**  **- Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất** | **- Cấu tạo của Trái Đất.**  **- Hiện tượng động đất, núi lửa.** | **2TN\*** | **1TL** | **1TN\*** |  |  | 1TL |  |  | |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | **6TN+ 1TL/35%** | | **4TN+1TL/20%** | | **2TN+1TL/15 %** | |  | | | **70%** |
| ***Tổng hợp chung*** | | | **50%** | | ***30%*** | | **20%** | |  | | | **100%** |

**2. BẢNG MÔ TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỐ TT** | **Chương** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.** | | | |
|  |  | **Nhận biết** | **Thông hiều** | **Vận dụng** | **Vận dụng**  **Cao** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?** | **Lịch sử là gì?** | **Nhận biết**  - Trình bày được khái niệm lịch sử là gì.  **Thông hiểu**  **-** Đối tượng tìm hiểu của môn Lịch sử | **1TN\*** |  |  |  |
|  | **Thời gian trong lịch sử** | **Nhận biết**  Nêu được cách tính thời gian, Dương lịch, Âm lich.. | **1TN\*** |  |  |  |
| **2** | **THỜI KÌ NGUYÊN THỦY** | **Nguồn gốc loài người** | **Nhận biết**  - Mô tả được quá trình tiến hóa của con người từ Vượn người -> Người tối cổ -> Người tinh khôn  **Thông hiểu**  - Sự tiến hóa của con người từ Vượn người. | **1TN\*** |  |  |  |
| **Xã hội nguyên thủy** | **Nhận biết**  - Trình bày được mối quan hệ bình đẳng, làm chung, hưởng chung của xã hội nguyên thủy. | **1TN\***  **1 TL (a)** | **1TL (c)** | **1TL (b)** |  |
| **Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp** | **Nhận biết**  Kim loại được phát hiên trong quá trình khai thác đá.  **Thông hiểu**  Hiểu được lý do xã hội nguyên thủy tan ra.  **Vận dụng**  kim loại được sử dụng mục đích như thế nào vào thời nguyên thủy. |  | **1 TL(a)** | **1 TL(c)** | **1TL (b)** |
|  | | **Số câu/ loại câu** |  | **4 câu TNKQ+ 1TL(a)** | **1 câu TL (c)** | **1 câu TL (b)** |  |
|  | | **Tỉ lệ** |  | **1.5đ/ 15 %** | **1đ/ 10%** | **0.5đ/ 5%** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ** | | | | | | | |
| 1 | **Chương 1-Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | **- Hệ thống kinh ,vĩ tuyến.**  **-Kí hiệu bản đồ.**  **-Tìm đường đi trên bản đồ.** | Nhận biết:  -Biết được các kí hiệu của bản đồ.  -Biết cách xác định hệ thống kinh ,vĩ tuyến.  Thông hiểu:  – Hiểu được ý nghĩa của bản đồ, cách xác định của chúng. | **2TN\*** | **1TN\***  **1 TL** |  |  |
| 2 | **Chương 2- Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời** | **- Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời**  **- Hình dạng và kích thước Trái Đất** | Nhận biết:  – Trình bày được những nguyên nhân, hậu quả của việc động đất .  Thông hiểu:  – Biết các hành tinh trong hệ Mặt Trời. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời..  Vận dụng:  Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.. | **2TN\***  **1TL(a)** | **2 TN\***  **1TL(a)** | **1 TL(a)** |  |
| 3 | **Chương 3- - Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất** | **- Cấu tạo của Trái Đất.**  **-Hiện tượng động đất, núi lửa** | Nhận biết:  –Được cấu tạo của Trái Đất gồm mấy lớp.  -Đặc điểm của chúng ra sao  Thông hiểu:  – Nêu được nguyên nhân và hậu quả của việc động đất, tác hại của chúng. | **1TN\*** | **2TN\*** |  |  |
| **Số câu/ loại câu** | | |  | **6 câu**  **TNKQ**  **1 câu**  **TL** | **4 câu**  **TNKQ**  **1 câu TL** | **2 câu**  **TNKQ**  **1 câu TL** |  |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***35%*** | ***20%*** | ***15%*** | ***70%*** |
| ***Tổng hợp chung*** | | |  | ***50%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***100%*** |

**TRƯỜNG THCS TRẦN HÀO ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học: 2024-2025**

**Môn : Lịch sử và địa lí 6**

**Thời gian: 60 phút**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ: (3 ĐIỂM)**

**A. TRẮC NGHIỆM (1 điểm)**

**Câu 1**: Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.

A. Đúng

B. Sai

**Câu 2**: Để tính thời gian theo Dương lịch người xưa đã

A. dựa vào sự di chuyển của Mặt Trăng quay quanh Trái đất.  
B. dựa vào sự di chuyển của Trái đất quay quanh Mặt Trăng.

C. dựa vào sự di chuyển của Mặt Trời quay quanh Trái đất.  
D. dựa vào sự di chuyển của Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

**Câu 3:** Mối quan hệ giữa xã hội trong thời nguyên thủy là

A. quan hệ bất bình đẳng.  
B. quan hệ bình đẳng, làm chung ăn chung, hưởng thụ bằng nhau.  
C. có sự phân biệt kẻ giàu, người nghèo.  
D. giai cấp thống trị bóc lột giai cấp bị trị.

**Câu 4.** Quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất lần lượt trải qua các dạng

A. vượn người => Người tối cổ => Người tinh khôn.

B. vượn người => Người tinh khôn => Người tối cổ.

C. Người tối cổ => vượn người => Người tinh khôn.

D. Người tinh khôn => vượn người => Người tối cổ.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (2 ĐIỂM)**

**Câu 5.**

(0.5 điểm) a) Kim loại được phát hiện như thế nào?

(0.5 điểm) b) Kim loại được sử dụng vào mục đích gì trong đời sống của con người cuối thời nguyên thủy?

(1 điểm) c) Vì sao xã hội nguyên thủy tan ra?

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (7 ĐIỂM)**

**A. TRẮC NGHỆM (3 điểm)**

**Câu 1. Kí hiệu bản đồ thể hiện chính xác đối tượng là dạng hình học hoặc tượng hình là loại kí hiệu nào?**

A. Hình học. B. Đường. C. Điểm. D. Diện tích.

**Câu 2. Kí hiệu bản đồ có mấy loại?**

A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

**Câu 3. Kinh độ và vĩ độ của một điểm gọi là số độ chỉ khoảng cách từ:**

A. Hướng Bắc đến Nam. B. Cực Bắc xuống cực Nam.  
C. Kinh tuyến đến vĩ tuyến. D. Xích đạo đến hai cực.

**Câu 4. Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh) gọi là:**

A. Kinh tuyến Đông. B. Kinh tuyến Tây.  
C. Kinh tuyến 1800. D. Kinh tuyến gốc.

**Câu 5. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào:**

A. Mép bên trái tờ bản đồ. B. Mũi tên chỉ hướng đông bắc.  
C. Các đường kinh, vĩ tuyến. D. Bảng chú giải, kí hiệu bản đồ.

**Câu 6**. Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào sau đây xa Mặt Trời nhất ?A. Kim tinh. B. Thiên Vương tinh. C. Thủy tinh. D. Hải Vương tinh.**Câu 7**. Trái Đất có dạng hình gì ?A. Tròn. B. Cầu. C. Elip. D. Vuông.**Câu 8**. Việt Nam nằm trong mảng kiến tạo nào?A. Ấn Độ. B. Bắc MĩC. Á – Âu. D. Thái Bình Dương**Câu 9**. Chú giải có ý nghĩa gì đối với bản đồ? A. Làm cho bản đồ trở nên sinh động B. Giải thích cho các kí hiệu được thể hiện trên bản đồ C. Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ. D. Bảng chú giải giúp ta hiểu được màu sắc trên bản đồ thể hiện được kiến thức địa lí nào được thể hiện trên bản đồ.

**Câu 10**. Nếu cách 10 ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu kinh tuyến?

A. 361. B. 180. C. 360 .D. 181.

**Câu 11**.Đường kinh tuyến gốc 00 đi qua đài thiên văn Grin-uýt thuộc quốc gia nào sau đây?

A. Đức. B. Ý. C. Anh. D. Nga.

**Câu 12**.Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ:

A. Vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu.

B. Đặc điểm phương hướng các đối tượng địa lí trên bản đồ.

C. Số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.

D. Mối liên hệ giữa các đối tượng địa lí trên bản đồ.

**B.TỰ LUẬN: (4 điểm)**

(1điểm) **Câu 1**: Động đất là một trong những thảm họa thiên nhiên rất nghiêm trọng. Em hãy nêu nguyên nhân và hậu quả của việc động đất?

(1điểm ) **Câu 2**: Kể tên 8 hành tinh trong hệ Mặt Trời ? Trái Đất nằm vị trí thứ mấy trong hệ Mặt Trời?

(2điểm) **Câu 3**: Cấu tạo của Trái Đất gồm mấy lớp? Kể tên ? Nêu đặc điểm độ dày, trạng thái, nhiệt độ của từng lớp?

-----Hết------

**PHẦN ĐÁP ÁN**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**A. TRẮC NGHIỆM: 1 ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 |
| ĐÁP ÁN | A | D | B | A |

**B. PHẦN TỰ LUẬN: 2 ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Điểm** |
| **2**  **(điểm)** | \* a). Kim loại đã được phát hiện:  - Khoảng thiên niên kỉ IV TCN, con người phát hiện ra đồng đỏ khi khai thác đá. Đầu thiên niên kỉ II TCN, họ đã luyện được đồng thau và sắt.  **\* b) Kim loại được sử dụng trong đời sống của con người cuối thời nguyên thủy**  - Con người sử dụng kim loại làm công cụ lao động để khai phá đất hoang, xẻ gỗ, chăn nuôi, trồng trọt…dễ dàng hơn.  - Chế tạo vũ khí dao găm, mũi tên…để săn thú, tự vệ và bảo vệ lãnh thổ khi có ngoại xâm.  \* **c).Xã hội nguyên thủy tan rã**  - Công cụ lao động kim loại xuất hiện, tăng năng suất lao động, sản phẩm dư thừa thường xuyên. Một số người chiếm lấy số sản phẩm này -> xã hội phân hóa giàu nghèo.  - xã hội nguyên thủy tan rã -> xã hội có giai cấp hình thành. | 0.5đ  0.25đ  0.25đ  0.5đ  0,5đ |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**I.TRẮC NGHIỆM( 3Đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-C | 2-B | 3-C | 4-D | 5-C | 6-D | 7-B |
| 8-C | 9-C | 10-C | 11-C | 12-A |

**II. TỰ LUẬN(4Đ)**

Câu 1: ( 1điểm)

- Nguyên nhân gây ra hiện tượng động đất: do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái đất.

- Hậu quả của hiện tượng động đất:

+ Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng, gây thương vong cho con người, hư hại các thiết bị, phương tiện,...

+ Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biển.

Câu 2: :(1điểm). Tám hành tinh trong hệ Mặt Trời: Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh.

Câu 3:(2điểm).Trái Đất được cấu tạo bởi ba lớp, từ ngoài vào trong bao gồm: vỏ Trái Đất, man-ti và nhân Trái Đất.

- Đặc điểm của từng lớp:

- Vỏ Trái Đất có độ dày từ 5 đến 70 km, càng xuống sâu nhiệt độ càng tăng, tối đa lên đến 10000C.

- Bao man-ti với trạng thái quánh dẻo đến rắn, có độ dày 3000 km, nhiệt độ từ 1500 - 37000C.

- Lớp nhân có tạng thái từ lỏng đến rắn với độ dày trên 300 km, nhiệt độ khoảng 5000 độ C.